

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-4-2018

V/v "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lục Văn Văn.

2. Bà: Vũ Thị Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Loan -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 4 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: *Chị Trần Thị M, sinh năm 1977.*

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai, có mặt.

2. Bị đơn: *Anh Tạ Mạnh C, sinh năm 1973.*

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hồng Ca-Tổng cục VIII-Bộ Công an, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị M trình bày:

Chị và anh Tạ Mạnh C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2004, tại ủy ban nhân dân xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C sống không có trách nhiệm với vợ con. Năm 2007 và đến năm 2008 anh C phạm tội phải đi chấp hành án, sau khi anh C chấp hành án xong, chị đã khuyên giải tha thứ. Đến năm 2012, anh C vẫn tiếp tục phạm tội phải chấp hành án nhiều năm. Nay chị xác định không còn tình cảm cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh C có 01 con chung cháu Tạ Duy N, sinh ngày 4 tháng 01 năm 2006, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2018 anh Tạ Mạnh C trình bày:

Anh và chị Trần Thị M kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2004, tại ủy ban nhân dân xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Anh không nhất trí ly hôn với lý do trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc không mâu thuẫn.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Trần Thị M có 01 con chung cháu Tạ Duy N, sinh ngày 4 tháng 01 năm 2006. Anh C nhất trí tạm giao con chung cháu N cho chị M nuôi dưỡng anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về quan hệ tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị M giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh Tạ Mạnh C và giao cháu Tạ Duy N, sinh ngày 4 tháng 01 năm 2006 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phần thủ tục tố tụng: Anh Tạ Mạnh C đang chấp hành án có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tạ Mạnh C theo quy định khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Mạnh C và chị Trần Thị M đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2004, tại Ủy ban nhân dân xã Tả Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không có trách nhiệm với gia đình vợ con, đã nhiều lần phạm tội phải chấp hành án nhiều năm, trong suốt thời gian anh C chấp hành án, chị M và anh C, không quan tâm trách nhiệm với nhau. Điều đó cho thấy chị M và anh C đã sống ly thân thời gian dài cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống không còn tình cảm, không hạnh phúc. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M là phù hợp, đồng thời xem xét việc anh C đề nghị được đoàn tụ với lý do anh vẫn còn tình cảm với chị M là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung, quyền trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C và chị M đều thừa nhận trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Tạ Duy N, sinh ngày 4 tháng 01 năm 2006. Hiện nay anh C đang phải chấp hành án, do vậy có căn cứ giao con chung cháu Tạ Duy N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị Trần Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Tạ Mạnh C.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Tạ Duy N, sinh ngày 4 tháng 01 năm 2006 cho chị Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Tạ Mạnh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí:

Buộc chị Trần Thị M phải chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do chị Trần Thị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/ 0004867 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Xác nhận chị Trần Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Trần Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Tạ Mạnh C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, TP;
- Chi cục THADS TP;
- Dương sự;
- STP;
- UBND xã Tà Phời, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Hà